

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn là ông T và vợ là bà Ch (gọi chung là vợ chồng ông T) được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt vợ chồng ông T.

[2] Tuy vợ chồng ông T không có văn bản trả lời, nhưng với các tài liệu do phía ông H cung cấp, xác định được vợ chồng ông T do ông T đại diện có hợp đồng mua thức ăn nuôi tôm với ông H vào ngày 08/5/2017. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, công nhận hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm giữa các đương sự là có thật và hợp pháp.

[3] Quá trình mua bán thức ăn nuôi tôm, theo ông H xác định, vợ chồng ông T còn nợ ông H 30.787.000 đồng. Vợ chồng ông T có viết biên nhận nợ số tiền này. Sau đó, vợ chồng ông T có trả cho ông H được 02 lần với tổng số tiền là 2.500.000 đồng (ông H có ghi sổ riêng), còn nợ lại 28.287.000 đồng. Do vợ chồng ông T không có ý kiến gì khác, nên chấp nhận yêu cầu của ông H, buộc vợ chồng ông T phải thanh toán cho ông H số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn nợ là 28.287.000 đồng.

[4] Trường hợp chậm thanh toán số tiền nói trên, vợ chồng ông T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định.

[5] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên vợ chồng ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%. Phần ông H nộp tạm ứng án phí được nhận lại.

[6] Tại phiên tòa: Ông H có mặt, nên thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày tuyên án. Vợ chồng ông T vắng mặt, nên thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 440 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vắng mặt ông Huỳnh Văn T và bà Diệp Cẩm Ch.

2. Buộc ông Huỳnh Văn T và vợ là bà Diệp Cẩm Ch có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền mua thức ăn nuôi tôm cho ông Liêu H với tổng số tiền là 28.287.000 (hai mươi tám triệu hai trăm tám mươi bảy ngàn) đồng.

3. Kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án. Trường hợp ông T và bà Ch không chịu thanh toán khoản tiền nói trên cho ông H, thì hàng tháng, vợ chồng ông T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Ông T và bà Ch phải chịu 1.414.000 (một triệu bốn trăm mười bốn ngàn, tính tròn số) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%.

5. Trả lại cho ông H khoản tiền nộp tạm ứng án phí 707.000 (bảy trăm lẻ bảy ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006198 ngày 03/6/2019 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình phát hành.

6. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nd huyện Thới Bình;
- Chi cục THA dân sự huyện Thới Bình;
- Phòng KTNV&THA TA nd tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Trọng Quế